

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2026/DS-PT

Ngày 08/4/2026

*“V/v tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Trang Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp *“hợp đồng cho thuê tài chính”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C1.

Địa chỉ: Tầng I Cao ốc S, số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y-C, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Minh K, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (có mặt).

Địa chỉ: Tầng G, số C Khu A, Trung tâm thương mại P1, đường Q, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: phường H, quận C, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1970

Cư trú tại: Ấp F, xã V, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp F, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Ông Trần Văn D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp F, xã V, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp F, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang), (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn là Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 25/10/2024, lời khai của anh Nguyễn Minh K là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tố tụng:*

Ngày 09/11/2022, Công ty C1 (viết tắt là Công ty C1) và ông Nguyễn Minh P có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2211172C1, tài sản mà ông Nguyễn Minh P có nhu cầu thuê tài chính là xe ô tô tải (có mui), hiệu: HINO, số khung: RNJFG8JT7NXX12884, số máy: J08EWE14319, Biển số: 95H-012.57. Cùng ngày 09/11/2022, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông Nguyễn Minh P theo hợp đồng, Công ty C1 chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân bà Nguyễn Hồng T. Trường hợp ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, bà T cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho ông P.

Để thực hiện hợp đồng thuê số B2211172C1, ngày 11/11/2022, Công ty đã ký hợp đồng mua bán số B2211172C1-PC để mua tài sản thuê nêu trên và cho ông P thuê lại tài sản này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Ông P đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê ngày 09/11/2022. Tổng giá trị của tài sản là 1.484.708.400 đồng, trong đó ông P trả trước 74.235.420 đồng, Công ty C1 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.410.472.980 đồng. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C1 cộng với biên độ là 6.21%/năm, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là: $7\% + 6.21\% = 13.21\%/năm$. Thời hạn thuê là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 22/11/2022 đến ngày 25/11/2026.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận, ngày 23/3/2023 Công ty đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu ông P thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo hợp đồng thuê tính đến ngày 27/3/2023 là 1.778.029.869 đồng.

Ngày 01/4/2023, ông P đã giao trả tài sản thuê cho Công ty C1. Ngày 04/7/2023, Công ty C1 đã thanh lý tài sản thuê với giá 1.200.000.000 đồng (đã

bao gồm VAT). Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản, Công ty đã dùng số tiền thu được cân trừ vào nợ gốc của ông P. Sau đó, ông P không thanh toán cho Công ty bất cứ khoản tiền thuê nào. Nay Công ty C1 khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

Buộc ông Nguyễn Minh P thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên hợp đồng cho thuê tài chính số B2211172C1 ký ngày 09/11/2022 tính đến ngày 04/9/2025 là 504.287.208 đồng, bao gồm nợ gốc 77.883.253 đồng, nợ lãi 426.403.955 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông P không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là bà Nguyễn Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh P uỷ quyền cho ông Trần Văn D trình bày:

Anh Nguyễn Minh P thừa nhận có ký hợp đồng thuê tài chính như phía Công ty C1 trình bày. Tài sản thuê là chiếc xe ô tô, hiện Công ty đã thu hồi và bán để trừ các khoản tiền nợ, hiện anh P còn nợ số tiền gốc là 77.883.253 đồng.

Nay anh P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty C1. Anh P chỉ đồng ý trả nợ gốc là 77.883.253đ và tiền lãi tính theo lãi suất trong hợp đồng trên số tiền gốc 77.883.253 đồng từ ngày thu hồi xe là ngày 01/4/2023 đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Cần Thơ, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh P phải trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Buộc ông Nguyễn Minh P phải trả cho Công ty C1 số tiền vay còn nợ vốn gốc 77.883.253đ (bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn 87.598.249đ (tám mươi bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng). Tổng cộng 165.481.502đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn năm trăm lẻ hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho thuê tài chính, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất thuê theo từng thời kỳ của Công ty cho thuê tài chính thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho thuê tài chính.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 02/10/2025, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết với các yêu cầu như sau:

Buộc ông Nguyễn Minh P thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên hợp đồng cho thuê tài chính số B2211172C ký ngày 09/11/2022 tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 504.287.208 đồng, bao gồm nợ gốc: 77.883.253 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 426.403.955 đồng.

Đồng thời, buộc ông P phải trả lãi phát sinh do chậm trả từ ngày 05/9/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông P không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là bà Nguyễn Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn, với lý do:

Bà T ký kết Thư bảo lãnh cá nhân với nguyên đơn lập vào ngày 09/11/2022, thể hiện nội dung như một điều kiện để các bên nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng cho thuê tài chính và để đảm bảo cho mọi nghĩa vụ của bên thuê theo hợp đồng. Nội dung cam kết tại Thư bảo lãnh cá nhân của bà T là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và nội dung diễn biến vụ việc. Sau khi phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh, bà T có thể sử dụng bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu hợp pháp của mình để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên nhận định của án sơ thẩm là không không phù hợp với thỏa thuận giữa các bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ xác định: Cấp sơ buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc còn lại 77.883.253 đồng sau khi Công ty thu hồi tài sản bán để trừ nợ và tính lãi số tiền còn nợ 87.598.249 đồng là phù hợp. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi 426.403.955 đồng.

Về trách nhiệm của bà Nguyễn Hồng T là người bảo lãnh: Do bà T ký thư bảo lãnh với Công ty để đảm bảo việc bị đơn được ký Hợp đồng cho thuê tài chính. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bà T phải có nghĩa trả thay

theo quy định. Cấp sơ thẩm nhận định, “*Thư bảo lãnh không thể hiện rõ tài sản bảo lãnh...*” nên không buộc trách nhiệm của người bảo lãnh trả nợ thay (trường hợp bên được bảo lãnh không trả được nợ) là không đúng quy định pháp luật về bảo lãnh. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về xác định trách nhiệm của người bảo lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán số nợ gốc và lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền vốn gốc và lãi là 504.287.208 đồng. Nhưng xét thấy, tài sản thuê đã được Công ty thu hồi vào ngày 01/4/2023 và thanh lý ngày 04/7/2023 với giá 1.200.000.000 đồng để cân trừ nợ. Theo đó, dư nợ gốc sau khi cân trừ chỉ còn lại 77.883.253 đồng. Ngoài ra, bị đơn cũng đã thanh toán được 02 kỳ đầu theo lịch trả góp của Công ty đưa ra. Thế nhưng, nguyên đơn lại đòi bị đơn phải trả tiền lãi trong suốt thời gian thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính là chưa phù hợp. Xác định tiền lãi bị đơn còn phải trả được tính, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 03/7/2023: 1.381.049.447 đồng x 13,21%/năm = 65.323.639 đồng (1).

- Từ ngày 04/7/2023 đến ngày 04/9/2025: 77.883.253 đồng x 13,21%/năm = 22.274.610 đồng (2).

Tổng cộng: (1) + (2) = 87.598.249 đồng.

Như vậy, ông P phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tổng cộng: 165.481.502 đồng, trong đó, tiền vốn 77.883.253 đồng, tiền lãi trong hạn là 87.598.249 đồng.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thanh toán qua các đợt và việc nguyên đơn thu hồi tài sản cho thuê, bán tài sản cân trừ nợ để xác định nghĩa vụ còn lại của bị đơn số tiền gốc và lãi tổng cộng 165.481.502 đồng như nêu trên là phù hợp. Vì vậy, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả số nợ lãi 426.403.955 đồng là không đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về số nợ bị đơn phải trả.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về trách nhiệm bảo lãnh của bà Nguyễn Hồng T:

Xét thấy, ngày 09/11/2022, bà Nguyễn Hồng T đã ký Thư bảo lãnh cá nhân để đảm bảo cho mọi nghĩa vụ của bên thuê là ông Nguyễn Minh P. Việc ký kết Thư bảo lãnh này cũng là điều kiện để nguyên đơn ký kết hợp đồng cho thuê tài chính với ông P.

Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Bảo lãnh:

“1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”

Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh:

“1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.”

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “...Thư bảo lãnh không thể hiện rõ tài sản bảo lãnh; ông P và bà T là vợ chồng và ông P vẫn đồng ý trả số tiền còn nợ cho Công ty C1...” để không buộc trách nhiệm của bà T trả nợ theo đúng nghĩa vụ của người bảo lãnh là không phù hợp với quy định tại Điều 335 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên.

Bởi lẽ, bảo lãnh là một cam kết về nghĩa vụ tài sản, khi phát sinh nghĩa vụ, bên bảo lãnh phải sử dụng tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh trong giai đoạn thi hành án. Ông P cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nhưng trên thực tế thì chưa thi hành. Do đó, việc buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho ông P theo đúng nghĩa vụ của bên bảo lãnh theo quy định pháp luật mà nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, kháng cáo của nguyên đơn về trách nhiệm trả nợ của bà T trong việc bảo lãnh cho bị đơn là có cơ sở nên được chấp nhận. Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Các Điều 335, Điều 336 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty C1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ về trách nhiệm bảo lãnh của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Buộc ông Nguyễn Minh P phải trả cho Công ty C1 số tiền nợ gốc 77.883.253 đồng; nợ lãi trong hạn: 87.598.249 đồng. Tổng cộng: **165.481.502đồng** (*một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một ngàn năm trăm lẻ hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2025), ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

3. Về trách nhiệm bảo lãnh: Buộc bà Nguyễn Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C1 số nợ nêu trên trong trường hợp ông Nguyễn Minh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Nguyễn Minh P phải chịu 8.274.075đồng (*tám triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng*).

+ Buộc Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C1 phải chịu 16.802.706đồng (*mười sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.080.000đồng (*mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010526 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 – Cần Thơ) thành án phí. Công ty cho thuê tài chính còn phải nộp tiếp số tiền chênh lệch thiếu là 4.860.285đồng (*bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005273 ngày 13/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12 – Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND **khv 12**-Cần T
- Phòng THADS **khv 12**-Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Bảo Anh